

Số: /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ủy quyền giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;*

*Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;*

*Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 1003/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Giám đốc Sở Nội vụ.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết đối với 41 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung liên quan có thay đổi.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung ủy quyền theo quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT: TU, HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Văn phòng UBND TP (2, 3E, 7);
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ TỊCH**

**Trương Cảnh Tuyên**

**PHỤ LỤC****41 thủ tục hành chính thực hiện ủy quyền giải quyết trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)                                                                                              |
| 2         | Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu                                                                                                                                                                                         |
| 3         | Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu                                                                                                                                                                                                |
| 4         | Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu                                                                                                                                                                                                    |
| 5         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi                                                                                                                                                                         |
| 6         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)                                              |
| 7         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) |
| 8         | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                               |
| 9         | Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                          |
| 10        | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá                                                                                                                                                                                              |
| 11        | Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá                                                                                                                                                                                                                           |
| 12        | Công bố mở cảng cá loại I                                                                                                                                                                                                                                |
| 13        | Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                            |
| 14        | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                               |
| 15        | Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật                                                                                                                                                                                            |
| 16        | Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật                                                                                                                                                                                        |
| 17        | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu                                                                                                                                                                 |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18        | Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 19        | Cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 20        | Công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản                                                                                                                                                                       |
| 21        | Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 22        | Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ                                                                                                                                                                                                               |
| 23        | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 24        | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 25        | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 26        | Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 27        | Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 28        | Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) |
| 29        | Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại                    |
| 30        | Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 31        | Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 32        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 33        | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 34        | Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 35        | Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36        | Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm                                                                                                                    |
| 37        | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                  |
| 38        | Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm                                                                                         |
| 39        | Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                                                          |
| 40        | Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) |
| 41        | Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước                                                                                                                                            |